

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 10/2025

(Kèm theo Quyết định số: 6104/QĐ-ĐHCT ký ngày 06 tháng 11 năm 2025)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Đạt CDR
1	CD22T5K506	Dương Trung Hậu	16/12/1998		CD22T5K1	Kỹ thuật điện	Khá	X
2	CD22T5K513	Nguyễn Quốc Nhân	29/04/1998		CD22T5K1	Kỹ thuật điện	Khá	X
3	CD22T5K521	Võ Xuân Toàn	01/05/1992		CD22T5K1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
4	CD22T5K523	Nguyễn Phú Văn	25/11/1998		CD22T5K1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
5	CD22T5P524	Hứa Thị Hồng Minh	06/07/1984	N	CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
6	CD22T5P548	Đỗ Thị Huyền Trang	10/11/1987	N	CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
7	CD22T5Q500	Nguyễn Thế Dân	23/08/1974		CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
8	CD22T5Q501	Trần Hữu Lợi	20/12/1985		CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Xuất sắc	X
9	CD22T5Q503	Hà Thanh Phong	08/02/1978		CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
10	CD22T5Q504	Nguyễn Thanh Sơn	06/02/1983		CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
11	CD22T5Q505	Nguyễn Thanh Thảo	08/01/1994	N	CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
12	CD22T5Q513	Phạm Thanh Sang	01/01/1995		CD22T5P1	Kỹ thuật điện	Giỏi	X
13	CK2267K501	Trần Thị Hoàng Dung	24/11/1996	N	CK2267K1	Thú y	Giỏi	X
14	CK2267K502	Trịnh Thị Thùy Dung	20/03/2001	N	CK2267K1	Thú y	Giỏi	X
15	CK2267K503	Hồ Đức Duy	23/02/2001		CK2267K1	Thú y	Khá	X
16	CK2267K506	Nguyễn Hoàng Hưng	15/04/1997		CK2267K1	Thú y	Giỏi	X
17	CK2267K508	Nguyễn Quốc Lâm	07/10/2001		CK2267K1	Thú y	Khá	X
18	CK2267K511	Nguyễn Nhựt Nam	28/05/2001		CK2267K1	Thú y	Khá	X
19	CK2267K513	Trương Nhã Quỳnh	08/09/2001	N	CK2267K1	Thú y	Khá	X
20	CK2267K515	Đặng Văn Tây	22/07/2001		CK2267K1	Thú y	Khá	X

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Đạt CDR
21	CK2267K519	Võ Gia Thuyền	10/10/1999	N	CK2267K1	Thú y	Khá	X
22	CK2267K520	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	30/11/1998	N	CK2267K1	Thú y	Giỏi	X
23	CK2267K521	Triệu Trung Tín	09/09/2000		CK2267K1	Thú y	Khá	X
24	CK2267K522	Trần Minh Truyền	05/07/1998		CK2267K1	Thú y	Khá	X
25	CK2267K528	Huỳnh Phước Huy	09/08/1996		CK2267K1	Thú y	Khá	X
26	CK2267K529	Nguyễn Thị Hồng Vân	18/09/2000	N	CK2267K1	Thú y	Giỏi	X
27	CK2267K530	Lê Công Tuấn Anh	19/06/1995		CK2267K1	Thú y	Khá	X
28	CK2267K531	Nguyễn Thị Hồng Thắm	07/08/1990	N	CK2267K1	Thú y	Khá	X
29	CK2267K532	Văn Thiên Tường	18/02/1982		CK2267K1	Thú y	Khá	X
30	CK2267K533	Võ Ngọc Châu	09/04/1996		CK2267K1	Thú y	Khá	X
31	CK2267K535	Nguyễn Mạnh Duy	18/07/1998		CK2267K1	Thú y	Khá	X
32	CK2267K538	Nguyễn Thành Lập	22/12/1992		CK2267K1	Thú y	Khá	X
33	CK22V7K539	Nguyễn Minh Luân	10/03/1999		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình	X
34	CK2322K500	Nguyễn Thị Bích Châm	20/02/2001	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
35	CK2322K501	Nguyễn Minh Chánh	09/12/1986		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
36	CK2322K502	Đặng Thị Kim Đan	29/01/1999	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
37	CK2322K505	Trần Quốc Hưng	03/04/2002		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
38	CK2322K508	Huỳnh Tấn Lộc	07/05/2002		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
39	CK2322K510	Nguyễn Tuyết Nga	17/11/1999	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
40	CK2322K511	Lê Hoàng Bảo Ngân	23/07/2001	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
41	CK2322K515	Đinh Tấn Tài	23/10/1999		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
42	CK2322K516	Phạm Thị Xuân Thảo	20/03/2002	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
43	CK2322K519	Nguyễn Ngọc Trân	19/05/2002	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
44	CK2322K520	Nguyễn Thị Ngọc Trân	25/10/2002	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Đạt CDR
45	CK2322K521	Huỳnh Thị Thúy Trân	21/09/1993	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Xuất sắc	X
46	CK2322K522	Cao Ngọc Trân	07/12/2002	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
47	CK2322K524	Cao Trung Hiếu	11/09/1999		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Giỏi	X
48	CK2322K527	Lê Thị Như Ý	20/07/2002	N	CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
49	CK2322K530	Nguyễn Quốc Thái	19/10/2002		CK2322K1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
50	CT1932N701	Châu Đặng Như Ý	09/11/1997	N	CT1932N1	Luật	Khá	
51	CT2020N049	Trần Nguyễn Anh Thơ	01/12/2002	N	CT2020N1	Kế toán	Trung bình	
52	CT2032N013	Nguyễn Minh Lam	30/12/1984		CT2032N1	Luật	Khá	
53	CT2132Q018	Lê Ngọc Hân	19/04/1992		CT2132Q1	Luật	Khá	X
54	DC1521N009	Trần Tuấn Khanh	10/04/1994		DC1521N1	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
55	DC1562N524	Nguyễn Văn Tài	31/12/1993		DC1562N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	
56	DC1720N800	Nguyễn Thị Huyền Trân	13/10/1997	N	DC1720N1	Kế toán	Trung bình	
57	DC1762N310	Cao Nhật Minh	13/02/1988		DC1762N1	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	
58	DC1932N500	Lê Hoàng Thái Bảo	02/09/1995		DC1932N1	Luật	Khá	
59	DC1996N527	Lê Đình Quý	02/02/2001		DC1996N1	Kỹ thuật phần mềm	Trung bình	
60	DC1996N528	Từ Đại Thắng	14/08/2001		DC1996N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
61	DC1996N700	Trần Thế Minh Nhựt	31/10/1994		DC1996N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
62	DC2020K027	Phạm Hữu My	14/02/1996		DC2020K1	Kế toán	Trung bình	
63	DC2022N012	Huỳnh Trần Bảo Hậu	08/02/1996		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình	
64	DC2022N058	Nguyễn Minh Tuấn	07/04/1994		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá	
65	DC2096N502	Nguyễn Hoàng Hào	04/05/2001		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
66	DC2096N504	Nguyễn Thanh Hoài	27/11/2002		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
67	DC2096N507	Võ Duy Khánh	31/12/2002		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Giỏi	
68	DC2096N511	Lê Hữu Nghị	16/11/1990		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
69	DC2096N512	Lương Trọng Nghĩa	29/01/2002		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Đạt CDR
70	DC2096N514	Đỗ Đức Phát	26/10/1995		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
71	DC2096N519	Lê Minh Tân	04/02/1997		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
72	DC2096N521	Trần Ngọc Thanh	19/08/1988		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
73	DC2096N525	Phạm Huỳnh Thống	10/09/2002		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
74	DC2096N529	Võ Thành Toàn	16/02/1985		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
75	DC2096N530	Tạ Ân Trân	20/03/1992		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Xuất sắc	
76	DC2096N531	Nguyễn Ngọc Trân	05/12/1992	N	DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Xuất sắc	
77	DC2096N534	Nguyễn Đức Thái	23/02/2002		DC2096N1	Kỹ thuật phần mềm	Khá	
78	DC2120N500	Nguyễn Huỳnh Thiên Ái	20/11/2003	N	DC2120N1	Kế toán	Giỏi	X
79	DC2120N502	Đỗ Kim Anh	13/01/1996	N	DC2120N1	Kế toán	Khá	X
80	DC2120N526	Lê Thị Mai Sương	02/12/2003	N	DC2120N1	Kế toán	Khá	X
81	DC2120N533	Hoàng Thị Thùy	06/09/1995	N	DC2120N1	Kế toán	Khá	X
82	DC2120N550	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	18/01/2002	N	DC2120N1	Kế toán	Khá	X
83	DC2120Q027	Huỳnh Yên Nhi	08/05/1996	N	DC2120Q1	Kế toán	Khá	X
84	DC2120Q037	Hà Thảo Trang	17/08/1996	N	DC2120Q1	Kế toán	Khá	X
85	DC21T5P502	Nguyễn Quốc Huy	10/12/1984		DC21T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
86	DC21T5P503	Nguyễn Việt Kha	29/05/1995		DC21T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
87	DC21T5P506	Nguyễn Hoàng Dương Thanh	31/12/1992		DC21T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
88	DC2220K550	Nguyễn Ngọc Thảo Trinh	16/04/2000	N	DC2220K1	Kế toán	Trung bình	X
89	DC2222Q052	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	25/07/1994	N	DC2222Q1	Quản trị kinh doanh	Khá	X
90	DC2222Q506	Trần Thị Minh Linh	07/09/1997	N	DC2222Q2	Quản trị kinh doanh	Trung bình	X
91	DC2232Q033	Phan Nguyễn Minh Thư	20/08/1997	N	DC2232Q1	Luật	Khá	X
92	DC22T1Q004	Dương Văn Cường	29/07/1990		DC22T1Q1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá	X
93	DC22T5K011	Nguyễn Đăng Nam Bắc	13/09/1999		DC22T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
94	DC22T5K012	Nguyễn Thị Ngọc Hân	21/04/1999	N	DC22T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại	Đạt CDR
95	DC22T5P002	La Thanh Phương	27/07/1995	N	DC22T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
96	DC22T5Q003	Phan Quốc Khánh	21/09/1983		DC22T5P1	Kỹ thuật điện	Khá	X
97	DC22V1Q058	Lê Thị Giang Quỳnh	26/06/1994	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá	X
98	DC2320H001	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/09/1982	N	DC2320H1	Kế toán	Khá	X
99	DC2320H002	Đinh Thanh Huyền	04/10/1997	N	DC2320H1	Kế toán	Xuất sắc	X
100	DC2320H004	Đặng Bích Ngọc	01/01/1994	N	DC2320H1	Kế toán	Khá	X
101	DC2320H005	Nguyễn Thị Bích Phương	12/03/1993	N	DC2320H1	Kế toán	Giỏi	X
102	DC2320H007	Nguyễn Ngọc Trâm	24/07/1993	N	DC2320H1	Kế toán	Khá	X
103	DC2320H009	Lý Phương Vy	25/07/2000	N	DC2320H1	Kế toán	Giỏi	X
104	DC2320H013	Võ Thị Chúc Nhi	16/06/1998	N	DC2320H1	Kế toán	Khá	X
105	DG2032N080	Trần Phước Thọ	16/04/1994		DG2032N1	Luật	Khá	
106	DG2132Q528	Đoàn Hữu Nam	13/10/1990		DG2132Q1	Luật	Khá	X
107	ST2120N507	Nguyễn Thị Mỹ Linh	05/12/2001	N	ST2120N1	Kế toán	Khá	X
108	ST2120N524	Đặng Thanh Tú	07/03/1995		ST2120N1	Kế toán	Khá	X
109	ST2120N526	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	15/01/2001	N	ST2120N1	Kế toán	Khá	X
110	ST2120N533	Mạc Kim Vĩnh	08/12/2003		ST2120N1	Kế toán	Khá	X

LẬP BẢNG

**TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO LIÊN TỤC**

Võ Minh Trí

Phạm Phương Tâm